

Bản án số: 09/2019/DS-ST
Ngày: -01-2019
V/v Tranh chấp về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thế Văn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Hùng

Ông Mai Minh Chánh

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 270/2018/TLST.DS, ngày 10 tháng 9 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản và hợp đồng vay tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 277/2018/QĐST-DS ngày 12/12/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trương Hoàng L, sinh năm 1982, nơi cư trú: tổ 02, ấp BA, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang. (có mặt)

- *Bị đơn:*

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1977; (có mặt)

2. Bà Trương Thị Thanh T, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp BT, xã BP, huyện CP, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26 tháng 8 năm 2018 và lời khai của nguyên đơn ông Trương Hoàng L trình bày: Vụ Đông xuân năm 2017 - 2018 ông Nguyễn Thanh H và bà Trương Thị Thanh T có mua vật tư nông nghiệp của ông với số tiền 153.600.000 đồng. Đến vụ Hè thu năm 2018 ông H và bà T vay của ông số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/tháng và mua thêm vật tư với số tiền 2.300.000 đồng. Tổng số tiền ông H và bà T nợ ông là 170.900.000 đồng, ông H và bà T có hứa sẽ trả vào vụ hè thu năm 2018, tuy nhiên đến hạn ông bà vẫn không trả dù ông đã nhiều lần yêu cầu.

Nay ông khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả cho ông số tiền 170.900.000 đồng, tính lãi 2%/tháng.

Bản tự khai ngày 03 tháng 10 năm 2018 và lời khai của bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày: Ông thừa nhận và thống nhất số tiền vợ chồng ông và bà T còn nợ ông L 170.900.000 đồng, nay ông xin 70.900.000 đồng vào vụ đông xuân 2019, còn lại 100.000.000 đồng trả dần mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ông không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn và ông có đóng lãi được 4 tháng nhưng không nhớ rõ số tiền là bao nhiêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Bà Trương Thị Thanh T là bị đơn đã được triệu tập xét xử phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T theo qui định pháp luật tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Về hợp đồng mua bán và vay tài sản:

Ông L trình bày ông Nguyễn Thanh H, bà Trương Thị Thanh T có mua vật tư nông nghiệp của ông với số tiền 153.600.000đ theo biên nhận tiền ngày 18/6/2018. Ngoài ra, ông H và bà T có vay của ông số tiền 15.000.000đ, lãi suất 2,5%/tháng và mua thêm vật tư với số tiền 2.300.000đ. Tuy nhiên ông H, bà T chỉ hứa hẹn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên ông khởi kiện yêu cầu ông H, bà T trả ông số tiền 170.900.000đ.

Lời trình bày của ông L được phía ông H thừa nhận và thống nhất số tiền nợ và căn cứ vào biên nhận tiền ngày 18/6/2018 có chữ ký ông H Hội đồng xét xử xác định ông H, bà T và ông L có xác lập giao dịch mua bán tài sản và vay tài sản là có thật. Nay ông H và bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ do đó ông L khởi kiện là có căn cứ chấp nhận.

Tuy bà T không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng phía ông H đã thừa nhận và các giao dịch này được xác lập và thực hiện trong thời gian bà và ông H vẫn là vợ chồng do đó bà phải có trách nhiệm liên đới cùng ông H trong việc trả nợ.

Như vậy ông H và bà T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho ông L số tiền 170.900.000đ.

Ông H xin được trả dần với phương thức trả 70.900.000đ vào vụ đông xuân 2019 và 100.000.000đ còn lại trả dần mỗi vụ 10.000.000đ cho đến khi dứt nợ nhưng không được phía ông L đồng ý do đó không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về tiền lãi:

Ông L yêu cầu tính lãi 2%/tháng là vượt quá mức lãi suất qui định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự và theo biên nhận tiền ngày 18/6/2018 thì thời gian ông H phải trả nợ là ngày 15/8/2018, do đó Hội đồng xét xử điều chỉnh lại mức lãi suất 10%/năm và tính từ ngày ông H vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 15/8/2018, cụ thể:

170.900.000đ x 10%/năm x 05 tháng 07 ngày = 7.342.000 đồng

Ông H cho rằng ông có đóng lãi được 4 tháng nhưng số tiền bao nhiêu không nhớ rõ và không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc đóng lãi, phía ông L cũng không thừa nhận việc đóng lãi, do đó Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét khấu trừ tiền lãi.

Như vậy, ông H, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông L là: 178.242.000 đồng, trong đó vốn là 170.900.000đ và tiền lãi 7.342.000 đồng

[2.3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông H, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 27, Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 278 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 430, Điều 440, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 25 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trương Hoàng L

Buộc ông Nguyễn Thanh H và bà Trương Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trương Hoàng L 178.242.000 đồng, trong đó vốn là 170.900.000đ và tiền lãi 7.342.000 đồng

Kể từ ngày ông L có đơn yêu cầu thi hành án, ông H và bà T không thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 của số tiền chậm thi hành án.

Ông H và bà T cùng phải chịu 8.912.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ông L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho ông L 4.270.000 (bốn triệu hai trăm bảy mươi ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0010446 ngày 10/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà T vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh AG;
- VKSND.Châu Phú;
- Chi cục THADS Châu Phú;
- Văn phòng;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ ./.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Thế Văn